

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 33/2019/HNGĐ - ST

Ngày 19-6-2019

V/v: Ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Long Biên

2. Bà Ngô Thị Cần

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Văn Hùng – Thư ký Tòa án, TAND huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 19/6/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 85/2019/TLST- HNGĐ ngày 26/4/2019 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/6/2019 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Thanh T; Sinh năm: 1994

Địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2.Bị đơn: Anh Bùi Văn T; Sinh năm: 1990

Địa chỉ: Thôn Đồng H, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 25/4/2019, trong bản tự khai ngày 02/5/2019, chị Bùi Thị Thanh T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 31/7/2014 tại Ủy ban nhân dân (Viết tắt là UBND) xã Th, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, vợ chồng sinh sống tại gia đình nhà ngoại tại huyện C. Trong thời gian chung sống vợ chồng hòa thuận được hơn 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Đến tháng 8 năm 2016 thì anh T đã về nhà bố mẹ đẻ ở bên T, còn chị thì đi làm ăn xa nên vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T.

Về con cái: Vợ chồng không có con chung, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản : Vợ chồng không có tài sản chung, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 04/5/2019, anh Bùi Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị Thanh T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 31/7/2014 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận được hơn 01 năm thì bắt đầu có sự dạn nứt về tình cảm. Nguyên nhân là do trước khi kết hôn, hai bên chưa tìm hiểu kỹ về nhau nên khi chung sống một nhà thì vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên xảy ra cãi cọ. Mặt khác, do vợ chồng thường xuyên phải đi làm xa nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt dần. Đến tháng 8/2016 thì vợ chồng đã sống ly thân không còn qua lại, quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh, anh xét thấy không thể đoàn tụ được nữa nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị T.

Về con cái: Vợ chồng không có con chung, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản : Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh Tuấn không có mặt nên tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt anh T và đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh T theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[2]. Anh T đã được triệu tập họp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng đều không đến để tham gia hoà giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Tại phiên tòa hôm nay, chị T và anh T vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh T.

[4]. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Thanh T và anh Bùi Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 31/7/2014 tại UBND xã Thạch S, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân gia đình, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng hòa thuận được hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị T và anh T đã sống ly thân đến nay đã gần 3 năm, không còn qua lại, quan tâm gì đến nhau nữa. Việc này, cả chị T và anh T đều thừa nhận và đã được các cấp chính quyền xã C xác nhận. Nay cả chị T và anh T đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, nghĩ nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Bùi Thanh T và anh Bùi Văn T được ly hôn.

[5].Về con cái và tài sản: Vợ chồng không có con chung và không có tài sản chung, chị T và anh T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6].Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Thanh T được ly hôn anh Bùi Văn T.

2. Về án phí: Chị Bùi Thị Thanh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai số AA/2016/0003623 ngày 26/4/2019, chị T đã nộp đủ tiền tạm ứng án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Bùi Thị Thanh T và anh Bùi Văn T. Chị T và anh T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận :

- Các đương sự
- VKSND Thạch Thành;
- UBND xã T;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Cúc